

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2023

V/v “*Không công nhận là quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA – TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lợi và ông Sùng A Cờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Má A Tru-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, về việc “*Không công nhận là quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tẩn A Ch, sinh năm 19xx. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị Châu Thị C, sinh năm 19xx. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã B, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Tẩn A Ch: Bà Nông Thị Thúy H, sinh năm 19xx-Là trợ giúp viên pháp lý. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 601, đường Đ, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Tẩn A Ch và bị đơn chị Châu Thị C trình bày:

Anh Tẩn A Ch và chị Châu Thị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn. Năm 2000, Ủy ban nhân dân xã Mường Hoa và thôn tuyên truyền vận động anh chị đi đăng ký kết hôn, nhưng anh chị suy nghĩ có con rồi và sống hạnh phúc là được, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Châu Thị C bỏ đi sống với người khác. Nay, anh chị nhận thấy chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh Tẩn A Ch và chị Châu Thị C là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 05 con chung, cháu Tẩn Thị L, sinh ngày 26 tháng 02 năm 19xx, cháu Tẩn Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 20xx, cháu Tẩn Thị S, sinh ngày 23 tháng 8 năm 20xx, cháu Tẩn A Ph,

sinh ngày 24 tháng 4 năm 20xx, cháu Tần Thị D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 20xx. Cháu Tần Thị L, sinh ngày 26 tháng 02 năm 19xx, cháu Tần Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 20xx đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Tần Thị S và cháu Tần A Ph cho anh Tần A Ch nuôi dưỡng; giao cháu Tần Thị D cho chị Châu Thị C nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội. Tuyên ông Tần A Ch và bà Châu Thị C không là quan hệ vợ chồng và đề nghị giao nuôi dưỡng con chung theo đề nghị của các đương sự.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ, Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tần A Ch, xử không công nhận anh Tần A Ch và chị Châu Thị C là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Tần Thị S, sinh ngày 23 tháng 8 năm 20xx, cháu Tần A Ph, sinh ngày 24 tháng 4 năm 20xx cho anh Tần A Ch trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu cháu Tần Thị D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 20xx cho chị Châu Thị C quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên án phí quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Tần A Ch khởi kiện không công nhận anh Tần A Ch và chị Châu Thị C, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, đối với chị Châu Thị C có địa chỉ thôn H, xã B, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ giải quyết là “*Không công nhận là quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tần A Ch và chị Châu Thị C thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật phù hợp với công văn số: 146/UBND-TP ngày 6 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã M cung cấp không có thông tin cung cấp đăng ký kết hôn giữa anh Tần A Ch và chị Châu Thị C. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân, giữa

anh Tần A Ch và chị Châu Thị C là hôn nhân không hợp pháp, đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tần A Ch, về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tần A Ch và chị Châu Thị C.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống anh Tần A Ch và chị Châu Thị C đều xác định có 05 con chung, cháu Tần Thị L, sinh ngày 26 tháng 02 năm 19xx, cháu Tần Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 20xx, cháu Tần Thị S, sinh ngày 23 tháng 8 năm 20xx, cháu Tần A Ph, sinh ngày 24 tháng 4 năm 20xx, cháu Tần Thị D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 20xx. Cháu Tần Thị L và cháu Tần Thị D đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải các đương sự đề nghị Tòa án, giao cháu Tần Thị S và cháu Tần A Ph cho anh Tần A Ch nuôi dưỡng; giao cháu Tần Thị D cho chị Châu Thị C nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu của các đương sự về việc tự nguyện thỏa thuận giao con nuôi dưỡng là phù hợp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Tần A Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tần A Ch.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tần A Ch và chị Châu Thị C.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Tần Thị S, sinh ngày 23 tháng 8 năm 20xx và cháu Tần A Ph, sinh ngày 24 tháng 4 năm 20xx cho anh Tần A Ch trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Tần Thị D, sinh ngày 25 tháng 02 năm 20xx cho chị Châu Thị C quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Anh Tần A Ch phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do anh Tần A Ch đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai số 0005191 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh, thị xã Sa Pa;
- Chi cục THADS thị xã Sa Pa;
- UBND xã Mường Hoa, thị xã Sa Pa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà